

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Đông Tây 3  
nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và  
đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 về phê duyệt dự án và số 3598/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy; số 1624/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 phân công thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh; số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án; số 577/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công do các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư về Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn trực thuộc Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp quản lý;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 173/TTr-SXD ngày 24/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy (Kèm theo báo cáo thẩm định số 5355/SXD-HĐXD ngày 22/5/2026).

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy, với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:** Từ “Năm 2022 - 2025” thành “Hoàn thành trong năm 2026”.

**2. Điều chỉnh, cập nhật địa điểm xây dựng dự án:** Từ “Thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy” thành “Xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa”. Đồng thời, điều chỉnh điểm đầu các tuyến đường, cụ thể:

+ Tuyến đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh: Từ “Điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 217 tại Km59+740; điểm cuối Km1+341,41 giao với đường nội thị thị trấn Phong Sơn (tiếp giáp với nút giao với đường Hồ Chí Minh)” thành “Điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 217 tại Km59+740; điểm cuối Km1+341,41 giao với đường xã Cẩm Thủy (tiếp giáp với nút giao với đường Hồ Chí Minh)”.

+ Tuyến đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217: Từ “Điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 217 cũ tại Tổ 4, phố Quang Trung, thị trấn Phong Sơn; điểm cuối Km0+952,35 giao với Quốc lộ 217 tại Km58+810” thành “Điểm đầu Km0+00 giao với Quốc lộ 217 cũ tại Tổ 4, phố Quang Trung, xã Cẩm Thủy; điểm cuối Km0+952,35 giao với Quốc lộ 217 tại Km58+810”.

**3. Điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí trong Tổng mức đầu tư**

### **3.1. Lý do điều chỉnh**

Trong quá trình triển khai thực hiện, công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) được chuẩn xác, làm tăng chi phí GPMB so với phương án khái toán trong tổng mức đầu tư (TMĐT) được duyệt; đồng thời, các công việc, gói thầu trong giai đoạn thực hiện dự án đã được chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với giá trị tăng/giảm so với giá trị trong TMĐT được duyệt; trong đó, chi phí xây dựng tăng do cập nhật theo giá trị hợp đồng đã ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Vì vậy, việc điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí của TMĐT để phù hợp với chi phí thực tế, giá trị hợp đồng các gói thầu đã ký và đảm bảo không làm vượt TMĐT là cần thiết.

**3.2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh là: 199.786.790.000 đồng** (Một trăm chín mươi chín tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng); trong đó, cơ cấu giá trị khoản mục chi phí gồm:

| TT               | Nội dung chi phí | TMĐT theo QĐ số 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh | TMĐT sau điều chỉnh    | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|------------------|------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| 1                | Bồi thường GPMB  | 76.135.000.000                                            | 78.653.179.000         | 2.518.179.000                 |
| 2                | Xây dựng         | 92.163.721.000                                            | 96.868.152.000         | 4.704.431.000                 |
| 3                | Thiết bị         | 759.921.000                                               | 754.601.000            | -5.320.000                    |
| 4                | Quản lý dự án    | 1.314.565.000                                             | 1.388.666.000          | 74.101.000                    |
| 5                | Tư vấn đầu tư    | 5.046.001.000                                             | 4.951.339.000          | -94.662.000                   |
| 6                | Chi phí khác     | 1.741.698.000                                             | 1.311.345.000          | -430.353.000                  |
| 7                | Dự phòng         | 22.625.884.000                                            | 15.859.508.000         | -6.766.376.000                |
| <b>Tổng cộng</b> |                  | <b>199.786.790.000</b>                                    | <b>199.786.790.000</b> | <b>0</b>                      |

(chi tiết có phụ lục và hồ sơ kèm theo)

**4. Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022, số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 và số 577/QĐ-UBND ngày 24/02/2026.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Giao Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 5355/SXD-HĐXD ngày 22/5/2026.

- Chủ đầu tư, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Đồng ý chủ trương gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu có liên quan thuộc dự án; giao chủ đầu tư căn cứ nội dung quy định tại hợp đồng đã ký kết, khối lượng công việc còn lại của hợp đồng, nguyên nhân chậm tiến độ (chỉ xét đến nguyên nhân khách quan, không do lỗi của nhà thầu) và quy định của pháp luật có liên quan xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra, mốc thời gian hoàn thành hợp đồng các gói thầu, tiến hành đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng các gói thầu có liên quan, đảm bảo không vượt thời gian thực hiện dự án đã được điều chỉnh.

Đối với việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu xây lắp, chủ đầu tư phải làm việc với Nhà thầu thực hiện phân khai, bóc tách các công việc chậm tiến độ do các nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý các vấn đề phát sinh theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký và đúng với các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các chi phí của dự án (chi phí điều chỉnh giá liên quan đến các khối lượng chậm tiến độ...) đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Cẩm Thủy; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (v).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH**  
**Dự án Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh**  
**và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy**

(kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

| TT         | Khoản mục chi phí                                | TMĐT theo Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 | Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh                                                                                                                                               |                       | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
|            |                                                  |                                                  | Phương pháp xác định                                                                                                                                                         | Giá trị               |                               |
| <b>I</b>   | <b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b> | <b>76.135.000.000</b>                            | Cộng 1-2                                                                                                                                                                     | <b>78.653.179.000</b> | <b>2.518.179.000</b>          |
| 1          | Phạm vi đã phê duyệt phương án bồi thường GPMB   | 76.135.000.000                                   | Công văn 787/UBND-KT ngày 07/4/2026 của UBND xã Cẩm Thủy                                                                                                                     | 76.135.000.000        | 2.518.179.000                 |
| 2          | Phạm vi chưa phê duyệt phương án bồi thường GPMB |                                                  |                                                                                                                                                                              | 2.518.179.000         |                               |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí xây dựng</b>                          | <b>92.163.721.000</b>                            | Cộng 1-2                                                                                                                                                                     | <b>96.868.152.000</b> | <b>4.704.431.000</b>          |
| 1          | Giá trị các hạng mục đã thực hiện                | 92.163.721.000                                   | Hợp đồng số 1219/2023/HĐXDCT-207 ngày 12/9/2023 và PLHĐ (lần 3) số 143/2025/PLHĐ-TCXD đã ký giữa Ban QLDA với nhà thầu thi công và Tờ trình số 1187/TTr-BQLDA ngày 24/4/2026 | 50.200.000.000        | 4.704.431.000                 |
| 2          | Giá trị các hạng mục chưa thực hiện              |                                                  |                                                                                                                                                                              | 46.668.152.000        |                               |
| <b>III</b> | <b>Chi phí thiết bị</b>                          | <b>759.921.000</b>                               |                                                                                                                                                                              | <b>754.601.000</b>    | <b>-5.320.000</b>             |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                     | <b>1.314.565.000</b>                             | 1,922%      x0,8x      88.747.957.273                                                                                                                                        | <b>1.388.666.000</b>  | <b>74.101.000</b>             |
| <b>V</b>   | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>            | <b>5.046.001.000</b>                             | Cộng 1-13                                                                                                                                                                    | <b>4.951.339.000</b>  | <b>-94.662.000</b>            |
| 1          | Khảo sát, lập báo cáo NCKT                       | 812.000.000                                      | Hợp đồng số 60/2021/HĐTV ngày 28/12/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu                                                                                                           | 812.000.000           | -                             |
| 2          | Khảo sát bước thiết kế BVTC                      | 400.000.000                                      | Hợp đồng số 30/2022/HĐTV ngày 20/12/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu                                                                                                           | 1.412.000.000         | -109.334.000                  |
| 3          | Thiết kế BVTC và dự toán                         | 1.001.334.000                                    |                                                                                                                                                                              |                       |                               |
| 4          | Lập hồ sơ thiết kế và thi công cấm cọc GPMB      | 120.000.000                                      |                                                                                                                                                                              |                       |                               |

| TT | Khoản mục chi phí                                                                | TMĐT theo Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 | Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh                                          |             | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|
|    |                                                                                  |                                                  | Phương pháp xác định                                                    | Giá trị     |                               |
| 5  | Lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát                                                  |                                                  |                                                                         |             |                               |
| -  | Bước lập Báo cáo NCKT                                                            | 11.259.000                                       | Quyết định số 52/QĐ-BQLDA ngày 28/10/2021 của Ban QLDA                  | 11.259.000  | -                             |
| -  | Bước thiết kế BVTC                                                               | 12.000.000                                       | Quyết định số 32/QĐ-BQLDA ngày 04/11/2022 của Ban QLDA                  | 8.890.000   | -3.110.000                    |
| 6  | Giám sát công tác khảo sát                                                       |                                                  |                                                                         |             |                               |
| -  | Giám sát công tác khảo sát bước lập báo cáo NCKT                                 | 15.283.000                                       | Hợp đồng số 48/2021/HĐ-TVXD ngày 28/12/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu   | 15.283.000  | -                             |
| -  | Giám sát công tác khảo sát bước thiết kế BVTC                                    | 16.288.000                                       | Quyết định số 81/QĐ-BQLDA ngày 14/3/2025 của Ban QLDA                   | 12.067.000  | -4.221.000                    |
| 7  | Tư vấn thẩm tra                                                                  |                                                  |                                                                         |             |                               |
| -  | Thẩm tra thiết kế BVTC                                                           | 85.001.000                                       | Hợp đồng số 22/2022/HĐTV-TT ngày 26/12/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu   | 216.700.000 | -77.000                       |
| -  | Thẩm tra dự toán xây dựng                                                        | 81.776.000                                       |                                                                         |             |                               |
| -  | Thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng                                          | 50.000.000                                       |                                                                         |             |                               |
| 8  | Lập HSMT và đánh giá HSDT                                                        |                                                  |                                                                         |             |                               |
| -  | Gói thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập báo cáo NCKT                     | 6.664.000                                        | Quyết định số 86/QĐ-BQLDA ngày 24/4/2023 của Ban QLDA                   | 6.664.000   | -                             |
| -  | Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)                                          | 99.419.000                                       | Hợp đồng số 11/2022/HĐ-TVLCNT ngày 01/11/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu | 129.528.000 | -                             |
| -  | Các gói thầu tư vấn (tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán) | 30.109.000                                       |                                                                         |             |                               |

| TT        | Khoản mục chi phí                                                                | TMDT theo Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 | Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh                                       |                      | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
|           |                                                                                  |                                                  | Phương pháp xác định                                                 | Giá trị              |                               |
| 9         | Phí thẩm định HSMT và KQ LCNT                                                    |                                                  |                                                                      |                      |                               |
| -         | Gói thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập báo cáo NCKT                     | 2.200.000                                        | Quyết định số 86/QĐ-BQLDA ngày 24/4/2023 của Ban QLDA                | 2.200.000            | -                             |
| -         | Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)                                          | 92.397.000                                       |                                                                      | 97.429.000           | 5.032.000                     |
| -         | Các gói thầu tư vấn (tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán) | 6.000.000                                        |                                                                      | 6.000.000            | -                             |
| 10        | Chi phí giám sát                                                                 |                                                  |                                                                      |                      |                               |
| -         | Giám sát thi công xây dựng                                                       | 1.748.417.000                                    | Hợp đồng số 69/2023/HĐ-TVGS ngày 18/8/2023 giữa Ban QLDA và nhà thầu | 1.780.830.000        | 26.422.000                    |
| -         | Giám sát lắp đặt thiết bị                                                        | 5.991.000                                        |                                                                      |                      |                               |
| -         | Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ                                         | 12.108.000                                       | Quyết định số 81/QĐ-BQLDA ngày 14/3/2025 của Ban QLDA                | 7.628.000            | -4.480.000                    |
| 11        | Phí thẩm định giá thiết bị, vật tư                                               | 50.000.000                                       |                                                                      | 50.000.000           | -                             |
| 12        | Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ         | 13.230.000                                       |                                                                      | 8.336.000            | -4.894.000                    |
| 13        | Chi phí tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường                          | 374.525.000                                      | Hợp đồng số 01/2022/TVMT-CT ngày 15/6/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu | 374.525.000          | -                             |
| <b>VI</b> | <b>Chi phí khác</b>                                                              | <b>1.741.698.000</b>                             | <b>Cộng 1-8</b>                                                      | <b>1.311.345.000</b> | <b>-430.353.000</b>           |
| 1         | Chi phí kiểm toán                                                                | 550.137.000                                      |                                                                      | 492.613.000          | -57.524.000                   |
| -         | <i>Chi phí kiểm toán phần không bao gồm GPMB</i>                                 | <i>421.513.000</i>                               | <i>0,307% x 121.133.611.000</i>                                      | <i>371.880.000</i>   | <i>-49.633.000</i>            |
| -         | <i>Chi phí kiểm toán phần GPMB</i>                                               | <i>128.624.000</i>                               | <i>0,307% x 0,5 x 78.653.179.000</i>                                 | <i>120.733.000</i>   | <i>-7.891.000</i>             |

| TT                     | Khoản mục chi phí                                      | TMDT theo Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 | Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh                                                                                                             |                        | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|
|                        |                                                        |                                                  | Phương pháp xác định                                                                                                                       | Giá trị                |                               |
| 2                      | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                 | 164.691.000                                      |                                                                                                                                            | 162.065.000            | -2.626.000                    |
| -                      | Phần không bao gồm GPMB                                | 126.186.000                                      | 0,202% x0,5x 121.133.611.000                                                                                                               | 122.345.000            | -3.841.000                    |
| -                      | Phần GPMB                                              | 38.505.000                                       | 0,202% x0,5x0,5x 78.653.179.000                                                                                                            | 39.720.000             | 1.215.000                     |
| 3                      | Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình                   | 233.177.000                                      | Hợp đồng số 1219/2023/HĐXDCT-207 ngày 12/9/2023 và phụ lục hợp đồng (lần 3) số 143/2025/PLHĐ-TCXD đã ký giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công | 206.541.000            | -26.636.000                   |
| 4                      | Chi phí rà phá bom mìn                                 | 350.000.000                                      | Hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán ngày 08/3/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu                                                                | 250.683.000            | -99.317.000                   |
| 5                      | Phí thẩm định báo cáo NCKT                             | 19.982.000                                       | Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh                                                                                    | 19.982.000             | -                             |
| 6                      | Đảm bảo ATGT trong quá trình thi công                  | 183.711.000                                      | Hợp đồng số 1219/2023/HĐXDCT-207 ngày 12/9/2023 và phụ lục hợp đồng (lần 3) số 143/2025/PLHĐ-TCXD đã ký giữa Ban QLDA và nhà thầu thi công | 179.461.000            | -4.250.000                    |
| 7                      | Chi phí thỏa thuận đấu nối đường, cấp điện, thoát nước | 190.000.000                                      | Đã thực hiện và không sử dụng chi phí nên cắt giảm toàn bộ                                                                                 | -                      | -190.000.000                  |
| 8                      | Chi phí kiểm tra của Cơ quan QLNN                      | 50.000.000                                       |                                                                                                                                            | -                      | -50.000.000                   |
| <b>VII</b>             | <b>Chi phí dự phòng</b>                                | <b>22.625.884.000</b>                            | <b>Cộng 1-2</b>                                                                                                                            | <b>15.859.508.000</b>  | <b>-6.766.376.000</b>         |
| 1                      | Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh               | 15.742.150.000                                   | 6,56% x 183.927.282.000                                                                                                                    | 12.061.983.000         | -3.680.167.000                |
| 2                      | Dự phòng trượt giá (phần xây dựng và thiết bị)         | 6.883.734.000                                    | 3,89% x 97.622.753.000                                                                                                                     | 3.797.525.000          | -3.086.209.000                |
| <b>Tổng mức đầu tư</b> |                                                        | <b>199.786.790.000</b>                           | <b>(I+II+III+IV+ V+ VI+ VII)</b>                                                                                                           | <b>199.786.790.000</b> | <b>0.0</b>                    |